

Số: 33 /QĐ-UBND

Ninh Thuận, ngày 08 tháng 01 năm 2016

QUYẾT ĐỊNH

Về việc phê duyệt quyết toán công trình hoàn thành công trình

Nạo vét kênh N1, N3, N5, N6, N7, N9, N11, N13a, N13b, N15, VC5, VC6, VC7, VC8, VC9, VC10, VC11, VC12, VC13, VC14, VC15 thuộc kênh Chính - HT hồ Sông Trâu, huyện Thuận Bắc

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH NINH THUẬN

SỐ TÀI CHÍNH TỈNH NINH THUẬN
Số:.....
Ngày:...../...../.....
Chuyển:.....
Lưu hồ sơ số:.....

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 77/2015/QH13 ngày 19/6/2015;

Căn cứ Luật Xây dựng số 50/2014/QH13 ngày 18/6/2014;

Căn cứ Thông tư số 19/2011/TT-BTC ngày 14/02/2011 của Bộ Tài chính quy định về quyết toán dự án hoàn thành thuộc nguồn vốn Nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 04/2014/TT-BTC ngày 02/01/2014 của Bộ Tài chính quy định về quy trình thẩm tra quyết toán dự án hoàn thành đối với các dự án sử dụng nguồn vốn Nhà nước;

Xét đề nghị của Giám đốc Sở Tài chính tại Báo cáo kết quả thẩm tra số 3647/BC-STC ngày 22/12/2015,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt quyết toán vốn đầu tư công trình hoàn thành:

- Tên công trình: Nạo vét kênh N1, N3, N5, N6, N7, N9, N11, N13a, N13b, N15, VC5, VC6, VC7, VC8, VC9, VC10, VC11, VC12, VC13, VC14, VC15 thuộc kênh Chính - HT hồ Sông Trâu, huyện Thuận Bắc.
- Chủ đầu tư: Công ty TNHH MTV Khai thác công trình thủy lợi Ninh Thuận.
- Địa điểm xây dựng: huyện Thuận Bắc, tỉnh Ninh Thuận.
- Thời gian khởi công và hoàn thành (thực tế): Từ ngày 15/4/2015 đến ngày 27/7/2015.

Điều 2. Kết quả đầu tư:

1. Nguồn vốn đầu tư:

Đơn vị tính: đồng

Nguồn vốn	Được duyệt	Thực hiện	
		Đã thanh toán	Còn được thanh toán
Vốn miễn thu thủy lợi phí 2015.	179.315.740	171.608.000	7.707.740
Tổng cộng:	179.315.740	171.608.000	7.707.740

2. Chi phí đầu tư:

Đơn vị tính: đồng

Nội dung chi phí	Dự toán	Giá trị quyết toán
- Chi phí xây dựng:	177.796.544	150.908.745
- Chi phí quản lý dự án:	3.864.650	0
- Chi phí tư vấn đầu tư xây dựng:	27.657.217	27.155.831
- Chi phí khác:	3.428.884	1.251.165
- Chi phí dự phòng:	10.637.365	0
Tổng cộng:	223.384.660	179.315.740

3. Chi phí đầu tư được phép không tính vào giá trị tài sản: không.

4. Giá trị tài sản hình thành qua đầu tư: không.

Điều 3. Trách nhiệm của chủ đầu tư và các đơn vị liên quan:

1. Trách nhiệm của chủ đầu tư:

- Được phép tất toán nguồn và chi phí đầu tư công trình là:

Đơn vị tính: đồng

Nguồn	Số tiền	Ghi chú
Tổng số:	179.315.740	
- Vốn miễn thu thủy lợi phí 2015	179.315.740	

- Tổng các khoản nợ của dự án đến ngày 24 tháng 9 năm 2015 như sau:

+ Tổng nợ phải thu: 0 đồng.

+ Tổng nợ phải trả: 7.707.740 đồng.

(Có Bảng phụ lục tình hình thanh toán và công nợ do Sở Tài chính xác lập tại Báo cáo số 3647/BC-STC ngày 22/12/2015 kèm theo Quyết định này).

2. Trách nhiệm của đơn vị tiếp nhận tài sản: Công ty TNHH MTV Khai thác công trình thủy lợi Ninh Thuận thực hiện việc tiếp nhận và quản lý đúng theo quy định; không ghi tăng tài sản.

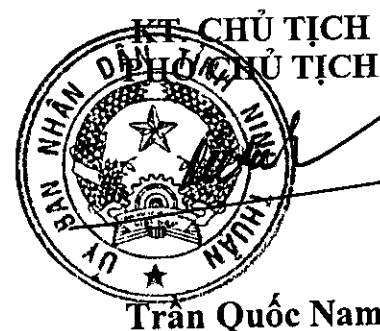
3. Giao Sở Tài chính hướng dẫn đơn vị hạch toán tài sản.

Điều 4. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Chánh văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Giám đốc các Sở: Tài chính, Kế hoạch và Đầu tư, Xây dựng, Nông nghiệp và Phát triển nông thôn; Giám đốc Kho bạc Nhà nước tỉnh, Cục trưởng Cục thuế tỉnh, Giám đốc Công ty TNHH MTV Khai thác công trình thủy lợi Ninh Thuận và Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị có liên quan căn cứ quyết định thi hành./.

Nơi nhận: /

- Như Điều 4;
- Chủ tịch UBND tỉnh;
- Chủ đầu tư (03 bản);
- VPUB: TH, KTN, QHXD;
- Lưu: VT, NQH





PHƯƠNG ANH THANH TOÁN VÀ CÔNG NỢ CỦA DỰ ÁN
CÔNG TRÌNH Nạo vét kênh N1, N3, N5, N6, N7, N9, N11, N13a, N13b, N15, VC5, VC6, VC7, VC8, VC9, VC10, VC11, VC12, VC13, VC14, VC15 thuộc kênh Chính - HT hồ Sông Trâu.

(Tính đến ngày 24/9/2015)

(Đơn vị: đồng)

STT	Tên cá nhân, đơn vị thực hiện	Nội dung công việc, hợp đồng thực hiện	Giá trị Quyết toán	Đã thanh toán, tạm ứng	Công nợ đến ngày lập báo cáo quyết toán		Ghi chú
					Phải trả	Phải thu	
1	Cty TNHH MTV Khai thác công trình thủy lợi	Thi công xây dựng công trình	150.908.745	150.908.000	745		
2	Cty TNHH TV XD Hưng Thịnh	Khảo sát, lập báo cáo KTKT	23.104.770	20.700.000	2.404.770		
3	Sở NN & PT nông thôn	Thẩm tra thiết kế BVTC- DT	384.687	0	384.687		
4	Cty TNHH TV ĐT & XD Thái Hà	Giám sát khảo sát	354.671	0	354.671		
5	Cty CP TV ĐT XD Phan Rang	Giám sát thi công	3.696.390	0	3.696.390		
6	Sở NN & PT nông thôn	Phí thẩm định TKKT	39.770	0	39.770		
7	Sở Tài chính	Thẩm tra, phê duyệt quyết toán	826.708	0	826.708		
Tổng số			179.315.740	171.608.000	7.707.740	0	

Số: 37 /QĐ-UBND

Ninh Thuận, ngày 1 tháng 01 năm 2016

QUYẾT ĐỊNH

Về việc phê duyệt quyết toán vốn đầu tư hoàn thành công trình Nạo vét,
đấu nối đường ống cấp nước thôn Xóm Bằng

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH NINH THUẬN

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 77/2015/QH13 ngày 19/6/2015;

Căn cứ Luật Xây dựng năm 2014;

Căn cứ Thông tư số 19/2011/TT-BTC ngày 14/02/2011 của Bộ Tài chính quy định về quyết toán dự án hoàn thành thuộc nguồn vốn Nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 04/2014/TT-BTC ngày 02/01/2014 của Bộ Tài chính quy định về quy trình thẩm tra quyết toán dự án hoàn thành đối với các dự án sử dụng nguồn vốn Nhà nước;

Xét đề nghị của Giám đốc Sở Tài chính tại Báo cáo kết quả thẩm tra số 3765/BC-STC ngày 29/12/2015,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt quyết toán dự án hoàn thành như sau:

- Tên dự án: Nạo vét, đấu nối đường ống cấp nước thôn Xóm Bằng
- Địa điểm xây dựng: xã Bắc Sơn, huyện Thuận Bắc, tỉnh Ninh Thuận.
- Chủ đầu tư: Trung tâm nước sạch và vệ sinh môi trường nông thôn Ninh Thuận.
- Thời gian khởi công, hoàn thành: Từ ngày 24/02/2015 đến ngày 27/5/2015.
- Đơn vị quản lý và sử dụng: Ban quản lý hệ thống cấp nước thuộc Trung tâm nước sạch và Vệ sinh môi trường nông thôn Ninh Thuận.

Điều 2. Kết quả đầu tư:

1. Nguồn vốn đầu tư:

Đơn vị: đồng.

Nguồn vốn	Được duyệt	Đã thanh toán	Còn được thanh toán
Vốn khắc phục hậu quả hạn hán và xâm nhập mặn	6.497.350.227	6.147.408.853	349.941.374
Tổng số:	6.497.350.227	6.147.408.853	349.941.374

2. Chi phí đầu tư:

Đơn vị: đồng.

Nội dung	Dự toán được duyệt	Giá trị quyết toán
- Chi phí xây dựng:	5.956.839.569	5.945.164.459
- Chi phí thiết bị:	62.810.000	0
- Chi phí quản lý dự án:	114.321.204	103.290.973
- Chi phí tư vấn đầu tư xây dựng:	442.568.716	425.061.795
- Chi phí khác:	102.244.038	23.833.000
Tổng số:	6.678.783.527	6.497.350.227

3. Chi phí đầu tư được phép không tính vào giá trị tài sản: Không.

4. Giá trị tài sản hình thành qua đầu tư:

Đơn vị: đồng.

Vốn đầu tư hoàn thành	Công trình thuộc chủ đầu tư quản lý	Công trình bàn giao cho đơn vị khác
- Tài sản cố định	/	6.497.350.227
Tổng số:	/	6.497.350.227

Điều 3. Tổ chức thực hiện:

1. Chủ đầu tư có trách nhiệm:

- Được phép tất toán nguồn và chi phí đầu tư với số tiền là:

Nguồn	Số tiền (Đồng)	Ghi chú
- Vốn khắc phục hậu quả hạn hán và xâm nhập mặn.	6.497.350.227	/

- Tổng các khoản công nợ tính đến ngày 20/7/2015 là:

+ Nợ phải thu: 5.709.027 đồng.

+ Nợ phải trả: 355.650.401 đồng.

(Có bảng chi tiết tình hình thanh toán và công nợ do Sở Tài chính lập tại Báo cáo kết quả thẩm tra quyết toán số 3765/BC-STC ngày 29/12/2015 kèm theo Quyết định này).

2. Đơn vị tiếp nhận tài sản: Được phép ghi tăng tài sản:

Đơn vị: đồng

Đơn vị tiếp nhận tài sản	Tài sản cố định	Tài sản lưu động
Ban quản lý hệ thống cấp nước thuộc Trung tâm nước sạch và Vệ sinh môi trường nông thôn Ninh Thuận	6.497.350.227	/

3. Sở Tài chính: Có trách nhiệm hướng dẫn hạch toán tài sản.

Điều 4. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Giám đốc các Sở: Kế hoạch và Đầu tư, Tài chính, Nông nghiệp và phát triển nông thôn; Giám đốc Kho bạc Nhà

nước tỉnh, Cục trưởng Cục thuế tỉnh; Giám đốc Trung tâm nước sạch và Vệ sinh môi trường nông thôn, Trưởng ban Ban quản lý hệ thống cấp nước thuộc Trung tâm nước sạch và Vệ sinh môi trường nông thôn Ninh Thuận và Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị liên quan căn cứ quyết định thi hành./.

Nơi nhận: ✓

- Như Điều 4;
- Chủ tịch UBND tỉnh;
- Chủ đầu tư (03 bản);
- VPUB: TH, KTN, QHXD;
- Lưu: VT.

NQH

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



Phạm Văn Hậu





BẢNG TÌNH HÌNH THANH TOÁN VÀ CÔNG NỢ

Công trình: Nạo vét, đầu nối đường ống cấp nước thôn Xóm Bằng
Xem theo Báo cáo số 5765 /BC-STC ngày 29 /12/2015 của sở Tài chính

Đơn vị tính: đồng

STT	TÊN ĐƠN VỊ THỰC HIỆN	NỘI DUNG CÔNG VIỆC	GIÁ TRỊ ĐƯỢC QUYẾT TOÁN	ĐÃ THANH TOÁN, TẠM ỨNG	CÔNG NỢ ĐẾN NGÀY 20/7/2015	
					PHẢI TRẢ	PHẢI THU
1	Công ty TNHH xây dựng Phú Hoàng	Xây lắp	5.945.164.459	5.678.347.000	266.817.459	
2	Viện đào tạo và khoa học ứng dụng Miền Trung	Chi phí khảo sát	115.455.229	78.660.000	36.795.229	
		Lập báo cáo kinh tế kỹ thuật	170.053.167	146.540.000	23.513.167	
3	Công ty TNHH TVĐTXD Thái Hà	CP thẩm tra TKBVTC-DT	19.536.719	15.000.000	4.536.719	
4	Công ty TNHH TVXD Hưng An	Chi phí giám sát	120.016.680	118.767.853	1.248.827	
5	Trung tâm nước sạch và VSMTNT	Chi phí ban quản lý	103.290.973	109.000.000		5.709.027
6	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	Lệ phí thẩm định báo cáo KTKT	1.094.000	1.094.000		
7	Sở Tài chính	Thẩm tra, phê duyệt quyết toán	22.739.000	-	22.739.000	
	Tổng cộng		6.497.350.227	6.147.408.853	355.650.401	5.709.027

Số: 38 /QB-UBND

Ninh Thuận, ngày 11 tháng 01 năm 2016

QUYẾT ĐỊNH

Về việc phê duyệt quyết toán công trình hoàn thành dự án Khu nuôi tôm trên cát An Hải – Ninh Phước, huyện Ninh Phước, tỉnh Ninh Thuận

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH NINH THUẬN

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;

Căn cứ Luật Xây dựng số 50/2014/QH13 ngày 18/6/2014;

Căn cứ Thông tư số 19/2011/TT-BTC ngày 14/2/2011 của Bộ Tài chính quy định về quyết toán dự án hoàn thành thuộc nguồn vốn Nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 04/2014/TT-BTC ngày 02/01/2014 của Bộ Tài chính quy định về quy trình thẩm tra quyết toán dự án hoàn thành đối với các dự án sử dụng nguồn vốn Nhà nước;

Xét đề nghị của Giám đốc Sở Tài chính tại Báo cáo số 3750/BC-STC ngày 29/12/2015,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt quyết toán vốn đầu tư công trình hoàn thành:

1. Tên công trình: Khu nuôi tôm trên cát An Hải – Ninh Phước.
2. Chủ đầu tư: Ban quản lý dự án ngành nông nghiệp (trước đây là Ban quản lý dự án ngành Thủy sản).
3. Địa điểm xây dựng: huyện Ninh Phước, tỉnh Ninh Thuận.
4. Thời gian khởi công và hoàn thành (thực tế): Từ ngày 01/01/2003 đến ngày 31/10/2012.
5. Đơn vị quản lý và sử dụng: Công ty TNHH MTV Khai thác công trình thủy lợi.

Điều 2. Kết quả đầu tư:

1. Nguồn vốn đầu tư:

Đơn vị tính: đồng

Nguồn vốn	Được duyệt	Thực hiện	
		Đã thanh toán	Còn được thanh toán
Tổng số	24.007.285.298	22.120.563.380	1.886.721.918
XDCB tập trung, Hỗ trợ có mục tiêu, Vay TD ưu đãi	24.007.285.298	22.120.563.380	1.886.721.918



2. Chi phí đầu tư:

Đơn vị tính: đồng

Nội dung chi phí	Dự toán	Giá trị quyết toán
- Chi phí xây dựng và thiết bị	23.904.121.426	20.706.724.203
- Chi phí bồi thường và giải phóng mặt bằng	1.226.641.767	999.695.943
- Chi phí quản lý dự án	405.657.544	382.772.000
- Chi phí tư vấn đầu tư xây dựng	1.513.766.713	1.348.073.017
- Chi phí khác	639.918.676	570.020.135
Tổng số:	27.690.106.126	24.007.285.298

3. Chi phí đầu tư được phép không tính vào giá trị tài sản: Không

4. Giá trị tài sản hình thành qua đầu tư:

Đơn vị tính: đồng

Vốn đầu tư hoàn thành	Chủ đầu tư quản lý	Bàn giao cho đơn vị khác
Tổng số:	/	24.007.285.298
- Tài sản cố định	/	24.007.285.298
- Tài sản lưu động	/	/

Điều 3. Trách nhiệm của chủ đầu tư và các đơn vị liên quan:

1. Trách nhiệm của chủ đầu tư (Ban quản lý dự án ngành nông nghiệp):

a) Được phép tắt toán nguồn và chi phí đầu tư công trình là:

Nguồn	Số tiền (đồng)	Ghi chú
Tổng số:	24.007.285.298	
- XDCB tập trung, Hỗ trợ có mục tiêu, Vay TD ưu đãi.	24.007.285.298	

b) Tổng các khoản nợ của dự án đến ngày 24 tháng 9 năm 2014 như sau:

- Tổng nợ phải thu: 6.685.637 đồng;

- Tổng nợ phải trả: 1.893.407.555 đồng.

(Kèm theo Bảng chi tiết tình hình công nợ do Sở Tài chính thẩm tra và xác lập tại Báo cáo số 3750/BC-STC ngày 29/12/2015).

2. Trách nhiệm của đơn vị tiếp nhận tài sản: Được phép ghi tăng tài sản:

Đơn vị tính: đồng

Đơn vị tiếp nhận tài sản	Tài sản cố định	Tài sản lưu động
Công ty TNHH MTV Khai thác công trình thủy lợi.	24.007.285.298	/

3. Trách nhiệm của Sở Tài chính: hướng dẫn đơn vị hạch toán tài sản.

Điều 4. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Giám đốc các Sở: Tài chính, Kế hoạch và Đầu tư, Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Xây dựng; Giám đốc Kho bạc Nhà nước tỉnh, Cục trưởng Cục Thuế tỉnh; Giám đốc Ban quản lý dự án ngành nông nghiệp, Giám đốc Công ty TNHH MTV Khai thác công trình thủy lợi và Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị có liên quan căn cứ quyết định thi hành./.

Nơi nhận:

- Như Điều 4;
- CT và PCT Trần Quốc Nam;
- Chủ đầu tư (03 bản);
- VPUB: QHXD, TH, KTN, TCD;
- Lưu: VT. NQH

KT. CHỦ TỊCH
DÂN PHÒNG CHỦ TỊCH



Phạm Văn Hậu

Phạm Văn Hậu



TÌNH HÌNH THANH TOÁN VÀ CÔNG NỢ CỦA DỰ ÁN
DỰ ÁN: KHU NUÔI TÔM TRÊN CÁT AN HẢI, HUYỆN NINH PHƯỚC

(Tính đến ngày 24/9/2014)

STT	Tên cá nhân, đơn vị thực hiện	Nội dung công việc, hợp đồng thực hiện	Giá trị Quyết toán	Đã thanh toán, tạm ứng	Công nợ đến ngày lập báo cáo quyết toán		Ghi chú
					Phải trả	Phải thu	
A	B	C	1	2	3 = 1 - 2	4 = 2 - 1	D
TỔNG CỘNG			24.007.285.298	22.120.563.380	1.893.407.555	6.685.637	
1	Xí nghiệp Xây dựng số 02 Công ty Xây dựng 76	Thi công xây dựng công trình (gói thầu số 01)	2.009.318.342	1.891.000.000	118.318.342		
2	Công ty TNHH TM và XD Hiệp Phát	Thi công xây dựng công trình (gói thầu số 02)	3.349.944.141	3.295.000.000	54.944.141		
		Thi công xây dựng hạng mục Mở rộng bờ kênh N1	392.522.000	365.000.000	27.522.000		
3	Công ty TNHH TM và XD Sơn Long Thuận	Thi công xây dựng công trình (gói thầu số 03)	2.502.239.718	2.400.000.000	102.239.718		
		Thi công xây dựng công trình (gói thầu số 07)	1.645.917.588	1.644.000.000	1.917.588		
		Thi công xây dựng hạng mục Đường phục vụ thi công kết hợp quản lý	115.864.664	70.000.000	45.864.664		
		Thi công xây dựng hạng mục Mở rộng bờ kênh N2	255.804.439	200.000.000	55.804.439		
4	Công ty Xây dựng và KTCB LS Sông Trà	Thi công xây dựng công trình (gói thầu số 04)	1.599.000.000	1.413.000.000	186.000.000		
		Thi công xây dựng hạng mục Mở rộng bờ kênh N1-20	233.065.901	210.000.000	23.065.901		
5	Công ty Cổ phần Xây dựng Ninh Thuận	Thi công xây dựng công trình (gói thầu số 05)	1.510.000.000	1.433.000.000	77.000.000		
		Thi công xây dựng hạng mục Mở rộng bờ kênh N1-19	50.347.000	45.000.000	5.347.000		

STT	Tên cá nhân, đơn vị thực hiện	Nội dung công việc, hợp đồng thực hiện	Giá trị Quyết toán	Đã thanh toán, tạm ứng	Công nợ đến ngày lập báo cáo quyết toán		Ghi chú
					Phải trả	Phải thu	
A	B	C	1	2	3 = 1 - 2	4 = 2 - 1	D
6	Công ty XD 46 - Tổng công ty XD số 4	Thi công xây dựng công trình (gói thầu số 06)	2.119.768.213	1.881.901.968	237.866.245		
7	Công ty CPXD thủy lợi Ninh Thuận	Thi công xây dựng công trình (gói thầu số 08)	1.224.921.107	1.038.000.000	186.921.107		
8	Công ty Cổ phần Lâm nghiệp Ninh Thuận	Thi công xây dựng hạng mục Trồng rừng chống cát bay	418.205.962	412.933.000	5.272.962		
9	Công ty TNHH Xây dựng Thuận Nguyên	Thi công xây dựng Khắc phục bổ sung một số hạng mục	818.884.000	678.460.000	140.424.000		
		Thi công xây dựng hạng mục Ao xử lý nước thải T3	538.308.388	524.000.000	14.308.388		
10	Công ty Cổ phần bê tông ly tâm Nha Trang	Thi công lắp đặt hệ thống điện	1.922.612.740	1.718.528.000	204.084.740		
11	Công ty tư vấn và CGCN - Chi nhánh miền Trung - Trường Đại học thủy lợi	Khảo sát, Lập báo cáo NCKT	254.323.325	240.000.000	14.323.325		
		Khảo sát, lập hồ sơ TKKT - dự toán (gđ 1)	436.667.775	443.000.000		6.332.225	
		Lập hồ sơ TKKT - dự toán (gđ 2)	153.342.095	150.000.000	3.342.095		
		Khảo sát, Lập TKKT thi công bổ sung HM Đường thi công kết hợp quản lý	5.066.290	0	5.066.290		
		Khảo sát, Lập thiết kế điều chỉnh trạm bơm cấp nước số 01 (gói thầu số 01)	3.971.265	0	3.971.265		
		Lập thiết kế bổ sung HM Cầu qua kênh N1	2.794.994	0	2.794.994		
		Lập thiết kế bổ sung các HM công trình giai đoạn 2	57.678.148	50.000.000	7.678.148		
		Lập thiết kế các HM điều chỉnh bổ sung	5.226.998	0	5.226.998		

STT	Tên cá nhân, đơn vị thực hiện	Nội dung công việc, hợp đồng thực hiện	Giá trị Quyết toán	Đã thanh toán, tạm ứng	Công nợ đến ngày lập báo cáo quyết toán		Ghi chú
					Phải trả	Phải thu	
A	B	C	1	2	3 = 1 - 2	4 = 2 - 1	D
11	Công ty tư vấn và CGCN - Chi nhánh miền Trung - Trường Đại học thủy lợi	Khảo sát, lập TKKT thi công HM Mở rộng bờ kênh và trồng rừng chống cát bay	106.585.676	85.000.000	21.585.676		
		Lập TKKT thi công HM Ao xử lý nước thải cuối kênh tiêu T5	16.466.947	0	16.466.947		
		Lập BC KTKT Khắc phục bổ sung một số hạng mục	23.731.064	0	23.731.064		
		Lập HSMT, ĐG HSDT XD (gói thầu số 1-6)	25.789.970	24.000.000	1.789.970		
12	Điện lực Ninh Thuận	Thiết kế hệ thống điện	26.691.620	25.000.000	1.691.620		
		Lập BC KTKT Hệ thống điện khắc phục dây trung hòa bị mất	1.226.703	0	1.226.703		
		Lập BC KTKT Hệ thống điện chiếu sáng cho 04 trạm bơm	465.217	0	465.217		
13	Trường Đại học Thủy sản Nha Trang	Đánh giá chất lượng nguồn nước	12.690.000	10.000.000	2.690.000		CH
14	Công ty TNHH Hoàng Long	Lập đề án bảo vệ môi trường	0	0	0		HT
15	Công ty CP TVTK xây dựng Ninh Thuận	Thẩm tra TKKT - Dự toán (giai đoạn 2)	10.273.000	10.273.000	0		
		Lập HSMT, PTĐG HSDT XD (gói thầu số 7-8)	6.854.000	6.854.000	0		
		Tư vấn giám sát gói thầu số 01- 06	116.404.236	56.000.000	60.404.236		
		Tư vấn giám sát gói thầu số 07- 08	30.542.089	16.900.000	13.642.089		
		Tư vấn giám sát Khắc phục, bổ sung một số hạng mục	17.588.173	17.500.000	88.173		

STT	Tên cá nhân, đơn vị thực hiện	Nội dung công việc, hợp đồng thực hiện	Giá trị Quyết toán	Đã thanh toán, tạm ứng	Công nợ đến ngày lập báo cáo quyết toán		Ghi chú
					Phải trả	Phải thu	
A	B	C	I	2	3 = 1 - 2	4 = 2 - 1	D
15	Công ty CP TVTK xây dựng Ninh Thuận	Tư vấn giám sát HM Ao xử lý nước thải T3	9.394.331	0	9.394.331		
		Tư vấn giám sát HM Mở rộng bờ kênh và trồng rừng chống cát bay	17.377.000	16.800.000	577.000		
16	Công ty TNHH TVTK Điện Bách Khoa	Lựa chọn nhà thầu thi công Hệ thống điện	3.182.000	3.182.000	0		
		Giám sát hệ thống điện phục vụ dự án	14.617.093	11.600.000	3.017.093		
		Giám sát khắc phục dây trung hòa bị mất	852.671	0	852.671		
		Giám sát hệ thống điện chiếu sáng cho 04 trạm bơm	460.337	0	460.337		
17	Công ty TNHH TVTK xây dựng Phan Rang	Thẩm tra TKKT HM Cầu GT qua kênh N1	500.000	0	500.000		
18	Chi cục thủy lợi	Thẩm định TKKT - Dự toán (giai đoạn 1)	21.216.379	8.921.677	12.294.702		
		Thẩm định TKKT-DT bổ sung kl và thay đổi TK	216.773	0	216.773		
		Thẩm định TKKT-DT HM Ao xử lý nước thải T3, T5 và đường GT	616.200	616.200	0		
		Thẩm định TKKT-DT HM Mở rộng bờ kênh và trồng rừng chống cát bay	2.959.963	0	2.959.963		
		Thẩm định TKKT-DT Khắc phục, bổ sung một số hạng mục	1.110.733	0	1.110.733		
19	Sở Giao thông vận tải	Thẩm định TKKT-DT HM Cầu giao thông qua kênh N1	700.000	0	700.000		
20	Sở Công thương	Thẩm định TKKT-DT Hệ thống điện	1.358.000	0	1.358.000		

STT	Tên cá nhân, đơn vị thực hiện	Nội dung công việc, hợp đồng thực hiện	Giá trị Quyết toán	Đã thanh toán, tạm ứng	Công nợ đến ngày lập báo cáo quyết toán		Ghi chú
					Phải trả	Phải thu	
A	B	C	1	2	3 = 1 - 2	4 = 2 - 1	D
21	Sở Kế hoạch và Đầu tư	Thẩm định dự án	9.912.348	9.912.348	0		
		Thẩm định kết quả đấu thầu (gói số 01-06)	1.392.732	1.392.732	0		
		Thẩm định kết quả đấu thầu (gói số 07-08)	337.000	0	337.000		
		Thẩm định kết quả đấu thầu Hệ thống điện	192.000	0	192.000		
22	Trung tâm Thông tin lưu trữ và Đo đạc bản đồ tỉnh Ninh Thuận	Đo vẽ khu vực đất để thực hiện dự án	224.369.649	202.132.000	22.237.649		
23	Trung tâm kỹ thuật tài nguyên môi trường Ninh Thuận	Đo đạc bản đồ Đường nối kênh N2 với đường quốc phòng và 02 ao xử lý	4.374.144	0	4.374.144		
		Đo đạc bản đồ Ao xử lý nước thải cuối kênh tiêu T5 và đường vào ao xử lý	2.925.024	0	2.925.024		
24	BQL DA ngành Nông nghiệp	Quản lý dự án	382.772.000	382.772.000	0		
		Bồi thường	999.695.943	1.000.049.355		353.412	
25	Công ty Bảo Minh Ninh Thuận	Bảo hiểm gói thầu xây dựng số 01-03	59.533.300	59.533.300	0		
		Bảo hiểm gói thầu xây dựng số 06-08	25.046.000	25.046.000	0		
		Bảo hiểm thi công Hệ thống điện phục vụ dự án	6.096.000	6.096.000	0		
26	Công ty liên danh Bảo hiểm Việt Úc	Bảo hiểm gói thầu xây dựng số 04-05	21.149.000	21.149.000	0		
27	Công ty Bảo Việt Ninh Thuận	Bảo hiểm xây dựng các hạng mục phát sinh của công trình Khắc phục một số hạng mục	17.010.800	17.010.800	0		

STT	Tên cá nhân, đơn vị thực hiện	Nội dung công việc, hợp đồng thực hiện	Giá trị Quyết toán	Đã thanh toán, tạm ứng	Công nợ đến ngày lập báo cáo quyết toán		Ghi chú
					Phải trả	Phải thu	
<i>A</i>	<i>B</i>	<i>C</i>	<i>1</i>	<i>2</i>	<i>3 = 1 - 2</i>	<i>4 = 2 - 1</i>	<i>D</i>
28	Công ty Hợp danh Kiểm toán Việt Nam	Kiểm toán dự án hoàn thành	122.465.536	0	122.465.536		
29	Sở Tài chính	Thẩm tra, phê duyệt quyết toán	34.348.554	0	34.348.554		

Số: 49 /QĐ-UBND

Ninh Thuận, ngày 12 tháng 01 năm 2016

QUYẾT ĐỊNH

Về việc phê duyệt quyết toán dự án hoàn thành công trình
sửa chữa trụ sở làm việc Đảng ủy Khối các cơ quan tỉnh (giai đoạn 2)

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH NINH THUẬN

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 77/2015/QH13 ngày 19/6/2015;

Căn cứ Thông tư số 19/2011/TT-BTC ngày 14/02/2011 của Bộ Tài chính quy định về quyết toán dự án hoàn thành thuộc nguồn vốn Nhà nước;

Xét đề nghị của Giám đốc Sở Tài chính tại Báo cáo kết quả thẩm tra quyết toán số 20/BC-STC ngày 06/01/2016,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt quyết toán dự án hoàn thành với nội dung chủ yếu như sau:

1. Tên công trình: Sửa chữa trụ sở làm việc Đảng ủy Khối các cơ quan tỉnh (giai đoạn 2).
2. Chủ đầu tư: Đảng ủy Khối các cơ quan tỉnh.
3. Địa điểm: Tại đường Ngô Gia Tự, thành phố Phan Rang - Tháp Chàm, tỉnh Ninh Thuận.
4. Thời gian thực hiện: Năm 2015.
5. Thời gian khởi công và hoàn thành: Thực hiện từ ngày 10/6/2015 đến ngày 14/8/2015.
6. Đơn vị quản lý và sử dụng: Đảng ủy Khối các cơ quan tỉnh.

Điều 2. Kết quả đầu tư:

1. Nguồn vốn đầu tư:

Đơn vị tính: đồng

Nguồn vốn	Được duyệt (theo giá trị quyết toán)	Thực hiện	
		Đã thanh toán (vốn đầu tư thực hiện)	Còn được thanh toán
1	2	3	4
Tổng số	793.345.050	646.087.751	147.257.299
Ngân sách nhà nước	793.345.050	646.087.751	147.257.299



2. Chi phí đầu tư

Đơn vị tính: đồng

Nội dung	Dự toán được duyệt	Giá trị quyết toán
1	2	3
Tổng số	807.681.700	793.345.050
Chi phí xây dựng	718.811.403	718.811.403
Chi phí quản lý dự án	15.870.049	15.131.700
Chi phí tư vấn đầu tư xây dựng	51.762.300	49.272.261
Chi phí khác	9.945.930	10.129.686
Chi phí dự phòng	11.292.018	0

3. Chi phí đầu tư được phép không tính vào giá trị tài sản: không.

4. Giá trị tài sản hình thành qua đầu tư

Đơn vị tính: đồng

Nội dung	Thuộc chủ đầu tư quản lý		Giao đơn vị khác quản lý	
	Thực tế	Qui đổi	Thực tế	Quy đổi
1	2	3	4	5
Tổng số	793.345.050	/	/	/
Tài sản cố định	793.345.050	/	/	/
Tài sản lưu động	/	/	/	/

Điều 3. Tổ chức thực hiện

1. Chủ đầu tư (Đảng ủy Khối các cơ quan tỉnh) có trách nhiệm:

a) Tất toán nguồn và chi phí đầu tư công trình là:

Đơn vị tính: đồng

Nguồn vốn	Số tiền	Ghi chú
1	2	3
Tổng số	793.345.050	/
Ngân sách nhà nước	793.345.050	

b) Tổng các khoản công nợ tính đến ngày 09 tháng 12 năm 2015:

- Tổng nợ phải thu: Không.
- Tổng nợ phải trả: 147.257.299 đồng.

(Có bảng tình hình thanh toán và công nợ của dự án do Sở Tài chính lập tại Báo cáo kết quả thẩm tra quyết toán số 20/BC-STC ngày 06/01/2016 kèm theo Quyết định này)

c) Quản lý và sử dụng tài sản đúng quy định của Nhà nước; ghi tăng tài sản với số tiền là 793.345.050 đồng.

2. Sở Tài chính hướng dẫn hạch toán tài sản.

Điều 4. Quyết định này có hiệu lực từ ngày ký;

Bí thư Đảng ủy Khởi các cơ quan tỉnh, Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Giám đốc Sở Tài chính, Giám đốc Sở Xây dựng, Giám đốc Sở Kế hoạch và Đầu tư, Giám đốc Kho bạc Nhà nước tỉnh, Cục trưởng Cục thuế tỉnh, Giám đốc Công ty Trách nhiệm hữu hạn Xây dựng và Thương mại Nhật Hoàng An và Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị liên quan căn cứ Quyết định thi hành./.

Nơi nhận:

- Như Điều 4;
- Chủ tịch UBND tỉnh;
- Chủ đầu tư (03 bản QĐ);
- VPUB: QHXD, TH;
- Lưu: VT. (đ/c Đạt)

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



Phạm Văn Hậu



TRÌNH HÌNH THANH TOÁN VÀ CÔNG NỢ CỦA CÔNG TRÌNH
CÔNG TRÌNH: SỬA CHỮA TRỤ SỞ LÀM VIỆC ĐẢNG ỦY KHỐI CÁC CƠ QUAN TỈNH (GIAI ĐOẠN 2)



Đơn vị tính: đồng

Tên đơn vị	Nội dung	Giá trị thẩm tra	Đã thanh toán	Công nợ đến ngày 09/12/2015	
				Phải trả	Phải thu
1	2	3	4	5 = 3 - 4	
Công ty TNHH XD & TM Nhật Hoàng An	Chi phí xây dựng	725.727.827	604.000.000	121.727.827	0
Công ty TNHH Việt Hoàng	Khảo sát, lập BCKTKT	29.052.410	22.000.000	7.052.410	0
Công ty TNHH TV giám sát XD An Phú Gia	Chi phí giám sát khảo sát	18.176.362	17.900.000	276.362	0
Sở Xây dựng	Phí thẩm định TKBVTC-DT, lệ phí thẩm định BCKTKT	2.187.751	2.187.751	0	0
Đảng Ủy khối các cơ quan tỉnh	Chi phí QLDA	15.131.700	0	15.131.700	0
Sở Tài chính	Chi phí thẩm tra phê duyệt quyết toán	3.069.000	0	3.069.000	0
Tổng cộng:		793.345.050	646.087.751	147.257.299	0